

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-PT

Ngày: 16 – 4 – 2024

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng thi công”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Bà Võ Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 03/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Trần Hải S, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- **Bị đơn:** ông Trần Linh C, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 14/6/2023): Ông Lư Trường T, sinh năm 1989; cư trú tại: ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hoàng Đ; cư trú tại: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Trung K; nơi công tác: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

2. Ông Võ Hai N; nơi công tác: Trạm Thủy lợi huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3. Ông Bùi Hoàng M; cư trú tại: Ấp I, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn T1; cư trú tại: Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Linh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Hải S trình bày:

Do có quen biết nên ông và ông Trần Linh C có ký hợp đồng giao khoán, thi công công trình công cầu K tại xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Theo khối lượng công việc anh sẽ được ứng là 50.000.000 đồng, tức công trình đã thực hiện xong giai đoạn đắp đê quay và đóng cừ tràm, tuy nhiên anh chỉ mới tạm ứng từ anh C tổng số tiền 42.000.000 đồng. Quá trình thi công do bị sạt lở đất bên công việc của ông C nên không thể tiếp tục thi công, anh nhiều lần yêu cầu ông C gia cố lại nhưng ông C không thực hiện nên anh không tiếp tục thi công được nữa. Do đó, nhà thầu chính là ông Nguyễn Hoàng Đ mới lấy lại công trình, do công trình này ông C cũng nhận từ ông Đ. Theo Biên bản làm việc ngày 15/9/2022 giữa các bên thì ông C hứa trong vòng 07 ngày sẽ trả lại mặt bằng cho nhà thầu chính thi công nhưng thống nhất thỏa thuận lại, để nguyên hiện trạng đập và ông C đã nhận hỗ trợ 20.000.000 đồng từ nhà thầu chính để hỗ trợ lại cho ông và ông C hứa hỗ trợ thêm cho ông 15.000.000 đồng để trả tiền nhân công. Ông cũng thống nhất bàn giao nguyên hiện trạng công trình và đã nhận 20.000.000 đồng từ ông C giao vào ngày 07/10/2022, còn lại 15.000.000đ thì

đến nay ông C không giao. Nay anh yêu cầu ông C phải trả cho anh số tiền còn lại là 15.000.000 đồng mà ông C đã hứa hỗ trợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Linh C trình bày: Ông có nhận khoán thi công công trình cống cầu K tại xã L từ nhà thầu chính là ông Nguyễn Hoàng Đ. Sau đó, do có quen biết nên ông có lập hợp đồng giao khoán lại cho ông Trần Hải S thi công công trình này, Hợp đồng được lập ngày 15/6/2022. Theo như hợp đồng đã giao kết thì ông S bắt đầu thi công từ ngày 18/6/2022, khi tập kết đầy đủ vật tư thì ông S đã tạm ứng 25.000.000 đồng để thi công. Tuy nhiên, sau đó do công trình bị vỡ đê quay nhưng ông S không có kinh phí để khắc phục nên ông S đã ứng tiền trước tổng cộng 17.000.000 đồng. Ông S vẫn tiếp tục thi công và đã đắp xong phần đê quay nhưng cừ tràm thì chưa đóng xong. Qua ngày sau, công trình bị sụp lún, đội các cừ tràm đã đóng lên, ông S không tiếp tục thi công và bỏ ngưng công trình nên nhà thầu chính yêu cầu bàn giao lại công trình. Theo như khối lượng công việc mà ông S đã thi công thì ông S chỉ tạm ứng được 25.000.000 đồng. Tại Biên bản làm việc ngày 22/9/2022, ông S và nhà thầu chính đã thống nhất để nguyên hiện trạng và bàn giao lại công trình. Do trước đó ông đã tạm ứng từ nhà thầu chính là 37.000.000 đồng (đã chi tạm ứng cho ông S 25.000.000 đồng, số tiền còn lại 12.000.000 đồng anh mua cọc dũa cho nhà thầu chính), nên ông Đ hỗ trợ thêm cho anh là 20.000.000 đồng để anh hỗ trợ lại cho ông S và riêng ông đồng ý hỗ trợ thêm cho ông S 15.000.000 đồng. Đến ngày 07/10/2022, ông và ông Đ, ông S có đến Ủy ban nhân dân xã L để bàn giao số tiền hỗ trợ nói trên. Tại đây ông đã giao cho ông S 20.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng ông yêu cầu ông S trả lại cho ông do ông S đã ứng của ông trước đó 17.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng ông không đề cập tới nhưng ông S cũng không đồng ý, nên hiện tại ông cũng chưa hỗ trợ 15.000.000đ còn lại cho anh S.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông S. Đồng thời, ông C phản tố yêu cầu ông S phải trả lại số tiền 17.000.000 đồng đã tạm ứng trước đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đến địa chỉ nơi cư trú để làm việc nhiều lần nhưng không gặp được ông Đ nên không ghi nhận được ý kiến.

Người làm chứng ông Trần Trung K, ông Võ Hai N cùng trình bày thống nhất: Tại buổi làm việc ngày 22/9/2022, giữa ông S và ông C đã thống nhất

ngưng thi công công trình và bàn giao mặt bằng lại cho ông Nguyễn Hoàng Đ. Khi đó, ông Đ đồng ý hỗ trợ thêm cho ông C 20.000.000 đồng để ông C hỗ trợ lại cho ông S và ông C cũng đồng ý hỗ trợ thêm cho ông S 15.000.000 đồng; không ai nhắc tới số tiền 17.000.000 đồng mà ông C cho rằng đã cho ông S ứng trước.

Người làm chứng ông Bùi Hoàng M trình bày: Trước đây ông có nhận thi công công trình cống cầu K do ông S thuê, công việc của ông là cuốc đất đắp đê quay, vét sinh, cặm cọc nhưng ông không có trực tiếp làm mà thuê ông Trần Văn T1 làm. Ông S là người trả tiền công cho ông và ông trả lại cho ông T1. Còn việc ông S và ông C thỏa thuận hợp đồng giao khoán như thế nào thì ông không biết.

Người làm chứng ông Trần Văn T1 trình bày: Ông có nhận nạo vét sinh cống cầu K theo yêu cầu của ông Bùi Hoàng M. Còn việc ông S và ông C thỏa thuận hợp đồng giao khoán như thế nào thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Áp dụng: các Điều 351, 352 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hải S về việc yêu cầu ông Trần Linh C phải trả số tiền còn nợ 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) từ việc thực hiện hợp đồng giao khoán.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Linh C về việc yêu cầu ông Trần Hải S trả số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

3. Buộc anh Trần Linh C phải trả cho anh Trần Hải S số tiền còn nợ 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, bị đơn ông Trần Linh C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Theo thỏa thuận giữa hai bên thì ông S sẽ trả lại cho ông C số tiền 17.000.000 đồng đã tạm ứng trước đó để

khắc phục sự cố sạt lở, vì theo khối lượng công việc ông S đã thực hiện chỉ được tạm ứng 25.000.000 đồng. Nhưng ông C đã tạm ứng 42.000.000 đồng là dư so với hợp đồng giao khoán, nên ông S phải có nghĩa vụ trả lại cho ông C số tiền 17.000.000 đồng.

Ông C trình bày: Theo Biên bản này 22/9/2022 thì các bên sẽ chấm dứt hợp đồng, để nguyên hiện trạng và ông S nhận được hỗ trợ từ ông Đ và ông với số tiền 35.000.000 đồng, còn số tiền 17.000.000 đồng mặc dù biên bản không đề cập nhưng giữa ông và ông S có thỏa thuận với nhau về việc ông C sẽ hoàn trả lại cho ông số tiền tạm ứng thừa là 17.000.000 đồng, vì trên thực tế theo khối lượng công việc ông S chỉ được tạm ứng số tiền 25.000.000 đồng.

Ông S trình bày: Theo khối lượng công việc thì ông được tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thi công xảy ra sự cố sạt lở nên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thể hiện tại Biên bản ngày 22/9/2022, theo đó ông để nguyên hiện trạng và được nhận thêm hỗ trợ 35.000.000 đồng. Còn số tiền 42.000.000 đồng đã tạm ứng của ông C không tính tới nữa mà chỉ có hỗ trợ thêm mà thôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Bị đơn ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2023, bị đơn ông Trần Linh C có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn ông Trần Hải S và bị đơn ông Trần Linh C có ký kết hợp đồng giao khoán thi công công trình cống trạm bơm K1. Do không thỏa thuận được các khoản tiền phải thanh toán cho nhau khi chấm dứt hợp đồng nên phát sinh tranh chấp. Do đó, quan hệ pháp luật phải là

“Tranh chấp hợp đồng thi công”, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” là chưa phù hợp, cần điều chỉnh lại.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Linh C

[3.1] Công trình cống Trạm bơm Kênh Xéo do nhà thầu chính là Doanh nghiệp tư nhân T2 (do ông Nguyễn Hoàng Đ đại diện) thi công theo hợp đồng được ký kết với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện L, tỉnh Hậu Giang. Sau đó, ông Đ giao lại cho ông Trần Linh C thi công và ông C tiếp tục giao khoán lại cho ông Trần Hải S thi công các hạng mục theo Hợp đồng giao khoán (không ngày tháng năm). Theo đó, ông C giao cho ông S thi công hoàn thiện công tác tập kết vật tư, máy thi công và đắp đê quay để phục vụ thi công với số tiền là 250.000.000 đồng. Trong quá trình thi công do bị sự cố sụp lún, sạt lở đất nên nhà thầu chính cho ông S và ông C tạm ngưng thi công công trình. Ngày 22/9/2022, giữa ông S, ông C và nhà thầu chính là ông Đ đã thống nhất để nguyên hiện trạng và bàn giao lại công trình này cho nhà thầu chính. Đồng thời, ông Đ đồng ý hỗ trợ thêm cho ông C số tiền là 20.000.000 đồng để ông C giao cho ông S, riêng ông C đồng ý hỗ trợ thêm cho ông S số tiền 15.000.000 đồng. Nội dung này đã được ông C thừa nhận, phù hợp nội dung Biên bản ngày 22/9/2022 về việc các nhà thầu phụ trả mặt bằng công trình cống trạm bơm Kênh X (LM2) cho nhà thầu chính và chủ đầu tư có nội dung ghi nhận việc ông C đồng ý hỗ trợ thêm cho ông S số tiền 15.000.000 đồng.

[3.2] Theo thỏa thuận giữa các bên, ngày 07/10/2022, ông Đ có đến Ủy ban nhân dân xã L để giao cho ông C số tiền 20.000.000 đồng. Ông C đã nhận và đã giao cho ông S xong. Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà ông C thỏa thuận hỗ trợ thêm cho ông S, ông C cho rằng ông S tạm ứng thừa của ông C số tiền 17.000.000 đồng để khắc phục sự cố sạt lở nên yêu cầu khấu trừ dẫn đến tranh chấp. Ông S có đơn khởi kiện yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả cho ông S số tiền 15.000.000 đồng. Ông C có đơn phản tố yêu cầu ông S trả lại số tiền tạm ứng thừa là 17.000.000 đồng.

[3.3] Xét thấy, đối với việc thực hiện hợp đồng giao khoán giữa ông C và ông S, quá trình thi công có xảy ra sự cố sụp lún, sạt lở đất dẫn đến ngừng thi công theo yêu cầu của nhà thầu chính là ông Đ. Theo nội dung Biên bản ngày 22/9/2022 thể hiện các bên thống nhất để nguyên hiện trạng, ông Đ sẽ hỗ trợ cho ông C số tiền 20.000.000 đồng để ông C hỗ trợ cho ông S và ông C hỗ trợ thêm cho ông S số tiền 15.000.000 đồng, tổng cộng ông C giao tiền cho ông S là 35.000.000 đồng. Như vậy, mặc dù Biên bản ngày 22/9/2022 không có thể hiện nội dung chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa ông C và ông S, nhưng chính nội dung các bên thỏa thuận để nguyên hiện trạng và ông Đ, ông C hỗ trợ thêm tiền cho ông S đã mặc nhiên các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng giao khoán như

lời thừa nhận của ông C tại phiên tòa phúc thẩm, riêng cá nhân ông C thống nhất hỗ trợ thêm cho ông S số tiền 15.000.000 đồng nên ông C phải có nghĩa vụ thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ.

[3.4] Đối với việc ông C phản tố yêu cầu ông S trả lại số tiền đã tạm ứng trước đó để khắc phục sự cố sạt lở. Xét thấy, như đã nhận định tại mục [3.3] thì tại Biên bản ngày 22/9/2022 các bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng giao khoán, nội dung biên bản hoàn toàn không đề cập đến số tiền ông C cho rằng đã cho ông S đã tạm ứng trước đó, ngược lại còn có nội dung ông C hỗ trợ thêm cho ông S số tiền 15.000.000 đồng. Lời khai của những người tham gia cuộc họp ngày 22/9/2022 như ông Trần Trung K – cán bộ kỹ thuật Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện L và ông Trần Hai N1 - Trưởng Trạm thủy lợi huyện L đều xác định tại cuộc họp ông C hoàn toàn không có đề cập gì đến số tiền 17.000.000 đồng mà ông C đã cho ông S tạm ứng. Do đó, việc ông C cho rằng ông S còn nợ 17.000.000 đồng tiền tạm ứng trước đó là không đúng, Ông C cho rằng giữa ông và ông S có thỏa thuận bên ngoài về việc ông S sẽ trả lại cho ông C số tiền 17.000.000 đồng, nhưng không được ông S thừa nhận và ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông C là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tính án phí có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố của ông C không được chấp nhận với số tiền là 850.000 đồng là thiếu sót, nên cần sửa bản án sơ thẩm để điều chỉnh lại.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Linh C;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng các Điều 351, 352, 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hải S về việc yêu cầu ông Trần Linh C phải trả số tiền còn nợ 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) từ việc thực hiện hợp đồng giao khoán.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Linh C về việc yêu cầu ông Trần Hải S trả số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

3. Buộc ông Trần Linh C phải trả cho ông Trần Hải S số tiền còn nợ 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Linh C phải chịu 1.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Trần Linh C đã nộp 425.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006693 lập ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Số tiền án phí còn lại ông Trần Linh C phải nộp 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Trần Hải S được nhận lại 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006622 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Linh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007063 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm. Ông C đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Thanh